TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 5 - 2020
V/v ly hôn giữa anh H và chị Y

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019. Về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07a/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 3 thôn Thịnh Phú, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Lê Thị Hải Y - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 3 thôn Thịnh Phú, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/7/2019 cũng như lời khai của anh Nguyễn Đức H trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị Hải Y vào tháng 02/2016, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh

N. Sau khi kết hôn anh và chị Y chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 12/2018 đến nay anh và chị Y sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Y không còn nên anh xin được ly hôn chị Lê Thị Hải Y. Về con chung giữa anh và chị Lê Thị Hải Y có một con chung là Nguyễn Lê Thành Tr sinh ngày 22/11/2016, hiện cháu Tr đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Lê Thị Hải Y thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Hải Y vắng mặt nhưng chị Y có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của anh Nguyễn Đức H về quá trình kết hôn và sống chung giữa chị và anh H. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do chị và anh H luôn bất dồng về quan điểm sống. Đã nhiều lần hai bên gia đình khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không được cải thiện. Từ tháng 12/2018 đến nay chị và anh H sống ly thân nhau. Nay anh H xin ly hôn chị thì chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị nhất trí ly hôn anh H. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Đức H có một con chung là Nguyễn Lê Thành Tr sinh ngày 22/11/2016, hiện cháu Tr đang do anh H nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Đức H thì chị không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc bận chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y; Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Thành Tr sinh ngày 22/11/2016 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Về án phí, đề nghị tuyên anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay anh Nguyễn Đức H xin ly hôn chị Lê Thị Hải Y và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Lê Thị Hải Y vắng mặt nhưng chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y được tổ chức kết hôn vào tháng 02/2016, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Bình, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh H và chị Y chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Đã nhiều lần hai bên gia đình khuyên khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Y không được cải thiện. Từ tháng 12/2018 đến nay anh H và chị Y sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Y đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh H xin ly hôn chị Y và phía chị Y cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y có một con chung là Nguyễn Lê Thành Tr sinh ngày 22/11/2016, hiện cháu Tr đang do anh H nuôi dưỡng. Nay anh H và chị Y đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy anh H và chị Y đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Tr nhưng từ khi anh H và chị Y sống ly thân đến nay cháu Tr do anh H chăm sóc nuôi dưỡng và vẫn bảo đảm việc nuôi dưỡng tốt. Để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cháu Tr nên tiếp tục giao cháu Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Đức H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 236/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Hải Y.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thành Tr sinh ngày 22/11/2016 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Nguyễn Lê Thành Tr đang do anh Nguyễn Đức H chăm sóc nuôi dưỡng). Chị Lê Thị Hải Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đức H đối với cháu Nguyễn Lê Thành Tr. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Đức H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000839 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Đức H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh H, vắng mặt chị Y. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.